

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 9 – 2024.

“Về việc: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hồ Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đinh Xuân Thủy và bà Đinh Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLST–HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 45/2024/TB-TA ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Phạm Văn T, sinh năm 1972;

2. Bị đơn: bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1977;

Cùng nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận (*Ông T vắng mặt và đã có đơn xét xử vắng mặt; bà H vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện, lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: ông Phạm Văn T và bà Lê Thị Thu H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 02/2/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn; do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, không hòa hợp trong lối sống, từ đó xảy ra nhiều mâu thuẫn không hòa giải được và ngày càng trở nên trầm trọng. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: ông Phạm Văn T và bà Lê Thị Thu H có một người con chung tên Phạm Thị Thanh H1, sinh ngày 06/3/2004, hiện đã thành niên và có khả năng lao động. Do đó ông T không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông T không yêu cầu giải quyết.

[2]. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ đầy đủ Giấy triệu tập, các văn bản tố tụng trong vụ án và cũng đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bị đơn bà Lê Thị Thu H không tham gia tố tụng và vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của bà H và cũng không tiến hành hòa giải được.

[3]. Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 04 đăng ký ngày 02/02/2004 của Ủy ban nhân dân xã H; 01 đơn xác nhận ngày 26/02/2024 có xác nhận của địa phương xã H.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Lê Thị Thu H, về việc cư trú của bị đơn bà Lê Thị Thu H và lập Biên bản xác minh ngày 09/4/2024 (Bút lục số 23).

[4]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán và Thư ký tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Phạm Văn T; đề nghị xử cho ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Lê Thị Thu H; buộc ông T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Trong vụ án chỉ có yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Văn T, yêu cầu giải quyết ly hôn; ngoài ra không có yêu cầu nào khác của các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn” căn cứ theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn ông Phạm Văn T; Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 04 đăng ký ngày 02/02/2004 của Ủy ban nhân dân xã H mà nguyên đơn ông T đã cung cấp và lời khai phù hợp của nguyên đơn; có đủ cơ sở xác định: nguyên đơn ông Phạm Văn T, bị đơn bà Lê Thị Thu H tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà H là hợp pháp. Vì vậy, ông T có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn ông T khẳng định: do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng và đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài; hiện nay ông T không còn yêu thương bà H, không muốn tiếp tục chung sống với bà H. Tại biên bản xác minh lập ngày 09/4/2024 (Bút lục số 23), địa phương thôn C, xã H đã cung cấp thông tin: quá trình chung sống, do bất đồng về quan điểm sống, về lối sống và cách cư xử, dẫn đến vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Lê Thị Thu H đã xảy ra mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau. Hơn nữa, trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông T cương quyết yêu cầu giải quyết ly hôn, không có nguyện vọng đoàn tụ và bà H vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được; điều này cho thấy ông T và bà H đều không có nguyện vọng đoàn tụ.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định được: Vợ chồng ông T, bà H đã phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho ông T được ly hôn với bà H.

[3.2]. Về việc nuôi con: ông Phạm Văn T khẳng định các con chung của ông Phạm Văn T, bà Lê Thị Thu H đều đã thành niên và có khả năng lao động; các đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi con; do đó Hội đồng xét xử không xét xử giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét xử, giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: buộc nguyên đơn ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp với quy định của Pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T: ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Lê Thị Thu H.

[2]. Về án phí: buộc ông Phạm Văn T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005730 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; sau khi khấu trừ, ông Phạm Văn T đã nộp đủ tiền án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Huy Khiêm;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Khánh